

TRANG HỢP ĐỒNG (GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM)

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và Tên	CMND/Hộ Chiếu	Giới Tính	Tuổi
Bên Mua Bảo Hiểm	<Owner name>	<ID / Passport >	< Sex >	< Age >
Người Được Bảo Hiểm	<Insured name>	<ID / Passport >	< Sex >	< Age >
Người Được Bảo Hiểm (NDBH khác nếu có)	<Insured name>	<ID / Passport >	< Sex >	< Age >

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Số Hợp Đồng Bảo Hiểm	Ngày Hiệu Lực Hợp Đồng	Ngày Cấp Hợp Đồng	Ngày Đáo Hạn Hợp Đồng	Định kỳ đóng phí	Thời hạn đóng phí
< Pol No. >	< Eff date >	< Issue date >	< Expiry date >	< Payment mode >	< Duration >

Quyền Lợi Bảo Hiểm	Người Được Bảo Hiểm	Thời hạn Hợp Đồng (năm)	Số Tiền Bảo Hiểm	Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	Phí Bảo Hiểm Bỗ Trợ (*)
Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính					
< Plan name of Basic product (Long name) > (Tùy theo sản phẩm)	<Insured name>	<Duration>	<FA>	<Premium>	
Sản Phẩm Bảo Hiểm Bỗ Trợ					
1. < Plan name of rider >	<Insured name>	<Duration>	<FA>		<Premium>
2. < Plan name of rider >	<Insured name>	<Duration>	<FA>		<Premium>
3.
Tổng Phí Bảo Hiểm năm đầu				<Total premium>	<Total premium>

(*) Phí Bảo Hiểm Bỗ Trợ (nếu có) có thể thay đổi hàng năm theo tuổi của Người Được Bảo Hiểm.

Thời hạn bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm bổ trợ (nếu có) sẽ được gia hạn hàng năm theo quy định tại Điều Khoản Tái Tục của điều khoản sản phẩm bảo hiểm bổ trợ. Khách hàng cần phải đóng phí bảo hiểm hàng năm. Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm sẽ được tự động rút để đóng Phí Bảo Hiểm Bỗ Trợ đến hạn nếu Phí Bảo Hiểm Bỗ Trợ đến hạn không được đóng sau khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí. Sản phẩm bảo hiểm bổ trợ sẽ chấm dứt hiệu lực nếu Giá Trị Tài Khoản Đóng Thêm không đủ để khấu trừ Phí Bảo Hiểm Bỗ Trợ.

CÁC LOẠI CHI PHÍ LIÊN QUAN ĐẾN HỢP ĐỒNG

- Phí Bảo Hiểm Cơ Bản:** Là khoản phí đóng cho sản phẩm chính.
- Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ:** Là khoản phí đóng cho (các) sản phẩm bổ trợ.
- Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm:** Là khoản phí do Bên Mua Bảo Hiểm đóng thêm ngoài Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- Phí Ban Đầu:** Là phí được khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm trước khi phân bổ vào tài khoản hợp đồng.

Năm Hợp Đồng	1	2+
% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	24%	0%
% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	5%	5%

- Phí Bảo Hiểm Rủi Ro:** Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của sản phẩm bảo hiểm chính.
- Phí Quản Lý Hợp Đồng:** Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để Công Ty thực hiện các công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp Đồng và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho Bên Mua Bảo Hiểm. Trong năm 2018, Phí Quản Lý Hợp Đồng là ba mươi một ngàn (31.000) đồng mỗi tháng và sẽ tự động tăng hai ngàn (2.000) đồng mỗi năm dương lịch sau đó. Tuy nhiên, Phí Quản Lý Hợp Đồng sẽ không vượt quá mức tối đa là sáu mươi ngàn (60.000) đồng mỗi tháng.
- Phí Quản Lý Quỹ:** Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung và sẽ được khấu trừ trước khi Công Ty công bố lãi suất đầu tư. Mức Phí Quản Lý Quỹ hiện tại là một phần năm phần trăm một năm (1,5%/năm) tính trên Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.
- Phí Rút Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng:** Là khoản phí phát sinh khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu rút một phần Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên số tiền rút và tuân theo bảng sau.

Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7+
Tài Khoản Cơ Bản (% Số tiền rút)	8%	6%	4%	2%	1%	1%	0%
Tài Khoản Đóng Thêm (% Số tiền rút)	5%						

- Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng Trước Hạn:** Là khoản phí phát sinh khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Phí Bảo Hiểm Cơ Bản cho Tài Khoản Cơ Bản, và trên Giá Trị Tài Khoản cho Tài Khoản Đóng Thêm.

Năm Hợp Đồng	1	2	3	4	5	6	7+
Tài Khoản Cơ Bản (% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản)	8%	6%	4%	2%	1%	1%	0%
Tài Khoản Đóng Thêm (% GTTK Đóng Thêm)	5%						

Lưu ý: Phí Bảo Hiểm Rủi Ro, Phí Quản Lý Hợp Đồng và Phí Quản Lý Quỹ có thể được thay đổi sau khi có sự chấp thuận của Bộ Tài Chính. Công Ty sẽ gửi thông báo cho Bên Mua Bảo Hiểm ba (03) tháng trước khi áp dụng mức phí mới.